

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÀM HÀ  
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày 05-4-2024

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM HÀ, TỈNH QUẢNG NINH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Anh*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

*- Bà Nông Thị Hồng*

*- Ông Ty Minh Xuân*

*- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Đức Hạnh Quyên - Kiểm sát viên.*

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Đàm Hà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2024 giữa các đương sự:

*1, Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu*

*Địa chỉ: thôn Y, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

*2, Bị đơn: Anh Đinh Văn T*

*Địa chỉ: thôn Y, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt không có lý do*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2023 và tại bản tự khai nguyên đơn Lê Thị T1 trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/9/2014 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn chị và anh T chưa ai có vợ có chồng. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng

không có tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Chị và anh T đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay và không ai còn quan tâm đến nhau.

Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh T có 02 con chung là Đinh Ngọc D sinh ngày 01/01/2016 và Đinh Bảo L sinh ngày 20/10/2018. Nay ly hôn chị T1 có quan điểm, chị nhận nuôi cháu D đến khi thành niên, anh T sẽ là người nuôi cháu L đến khi thành niên. Chị T1 và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn Đinh Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị T1 kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/9/2014 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn anh và chị T1 chưa ai có vợ có chồng. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung. Anh và chị T1 đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay và không ai còn quan tâm đến nhau.

Đến nay, chị T1 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, anh T đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị T1 có 02 con chung là Đinh Ngọc D sinh ngày 01/01/2016 và Đinh Bảo L sinh ngày 20/10/2018. Nay ly hôn anh T có quan điểm, anh nhận nuôi cháu D và cháu L đến khi thành niên và không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Tú không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh Tú không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Đinh Ngọc D là con chung của chị T1 và anh T ngày 17/11/2023 thể hiện: “Nếu bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu D muốn được ở với mẹ”.

Tại biên bản xác minh ngày 19/02/2024 ông Bùi Văn D1 trưởng thôn Y, xã Đ, huyện Đ nơi anh T và chị T1 sinh sống cung cấp thông tin: Chị T1 và anh T sau khi kết hôn về chung sống tại nhà anh T, tình cảm hai vợ chồng rất hoà thuận. Khoảng cuối năm 2019, chị T1 và anh T bắt đầu xuất hiện những mối bất hoà, thường xuyên cãi vã, chửi nhau. Chị T1 và anh T cũng đã sống ly thân được một

thời gian và không ai quan tâm đến ai.

Tại phiên tòa:

Chị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm thể hiện: Về tình cảm chị vẫn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T. Về con chung, tài sản chung, công nợ, chị T1 vẫn giữ nguyên vọng như đã trình bày. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Hà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị T1 về việc: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” với anh Đinh Văn T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T1 được ly hôn anh Đinh Văn T.

+ Về con chung: Giao cho chị Lê Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Đinh Ngọc D đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Giao cho anh Đinh Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Đinh Bảo L đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị T1 và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Tại Đơn xin ly hôn thể hiện bị đơn – anh Đinh Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: thôn Y, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đầm Hà thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện Đầm Hà đã nhiều lần Thông báo các đương sự đến để hòa giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và hòa giải, đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự theo quy định của pháp luật, nhưng anh T không có mặt do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án hôn nhân gia đình.

Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Lê Thị T1 và anh Đinh Văn T theo quy định pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt lần hai không có lý do chính đáng, còn chị Lê Thị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T1 và anh T là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị T1 và anh Đinh Văn T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/9/2014 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân của chị T1 và anh T: Chị T1 trình bày quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính cách, quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chia sẻ được với nhau, không có sự tôn trọng lẫn nhau, mâu thuẫn xảy ra đã lâu, kéo dài không giải quyết được. Từ năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, căng thẳng hơn nên chị T1 và anh T đã sống tách riêng, không có sự quan tâm đến nhau và ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T1 thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T và anh T đồng ý với đề nghị xin ly hôn của chị T1.

Anh Tú có lời khai phù hợp với lời khai của chị T1 về nguyên nhân mâu thuẫn, về việc hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 và không ai còn quan tâm đến ai.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần báo anh T đến Tòa án để hòa giải nhưng anh T không đến do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tài liệu do Tòa án thu thập chứng cứ với ông Bùi Văn D1 trưởng thôn Y, xã Đ, huyện Đ thể hiện: Sau khi đăng ký kết hôn thì anh T và chị T1 về sống với nhau tại thôn Y, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh. Chị T1 và anh T sau khi kết hôn về chung sống tại nhà anh T, tình cảm hai vợ chồng rất hoà thuận. Khoảng cuối năm 2019, chị T1 và anh T bắt đầu xuất hiện những mối bất hoà, thường xuyên cãi vã, chửi nhau. Chị T1 và anh T cũng đã sống ly thân được một thời gian và không ai quan

tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai của chị T1, anh T về mâu thuẫn vợ chồng cũng phù hợp với tài liệu Toà án thu thập chứng cứ là biên bản xác minh với trưởng thôn Y, xã Đ, huyện Đ. Xét tình trạng hôn nhân của chị T1 và anh T là căng thẳng, mâu thuẫn đã trầm trọng không giải quyết khắc phục được, cuộc sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị T1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Trong quá trình chung sống chị T1 và anh T có 02 con chung là Đinh Ngọc D sinh ngày 01/01/2016 và Đinh Bảo L sinh ngày 20/10/2018. Nay ly hôn chị T1 có quan điểm, chị nhận nuôi cháu D đến khi thành niên, anh T sẽ là người nuôi cháu L đến khi thành niên. Chị T1 và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai, anh T có quan điểm, anh nhận nuôi cả hai con chung đến khi thành niên và không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, cả hai con chung của chị T1 và anh T đều đang sống cùng ông bà nội tại thôn Y, xã Đ, hàng tháng chị T1 vẫn gửi tiền cho ông bà để nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Chị T1, anh T đều là lao động tự do, đi làm xa không ở cùng với các con. Mặt khác cháu Đinh Ngọc D có quan nếu bố mẹ ly hôn thì có mong muốn ở với mẹ. Từ những phân tích nêu trên hội đồng xét xử thấy việc giao cháu Đinh Ngọc D cho chị T1 nuôi dưỡng và giao cháu Đinh Bảo L cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T1 và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản chung: chị T1 không yêu cầu giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về công nợ: chị T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Chị T1 và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với ý kiến của kiểm sát viên là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 16 Điều 70; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T1. Chị Lê Thị T1 được ly hôn anh Đinh Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đinh Ngọc D, sinh ngày 01/01/2016 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Giao anh Đinh Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đinh Bảo L, sinh ngày 20/10/2018 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị T1 và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T1 và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T1 không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập.

4. Về công nợ: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

5. Về án phí: Chị Lê Thị T1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0004551 ngày 09/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Lê Thị T1 và anh Đinh Văn T. Chị T1 và anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Hà;
- Chi cục THADS huyện Đầm Hà;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- UBND xã Đàm Hà, huyện Đàm Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Vũ Tuấn Anh**